

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 333/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con chung khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Tin.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 48 đường Trần T, khối phố 2, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 64 đường Đỗ Thế Ch, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An S, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 24-11-2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Trước đây có lần mâu thuẫn với chồng, chị về nhà mẹ ruột sống, sau đó về lại nhà chồng thì quần áo của chị bị gói gém và đẩy ra trước cửa nhà. Anh S

không lo làm ăn mà còn vi phạm pháp luật nhiều lần, đã đi chấp hành án hai lần về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản. Đã nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm gì với anh S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017. Nếu ly hôn chị nhận nuôi cháu Quân đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Quân đang ở với chị, chị là người chăm sóc cháu. Chị đang làm thu ngân, lễ tân cho quán Karaoke, thu nhập mỗi tháng là 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh S trình bày:

Về điều kiện kết hôn giữa anh và chị D như chị D trình bày là đúng, anh không thay đổi, bổ sung gì thêm. Cuộc sống vợ chồng vẫn không có được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa anh và chị D đúng như chị D trình bày. Nay chị D xin ly hôn nhưng anh không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ, làm ăn nuôi con, nếu anh còn tiếp tục vi phạm thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017. Nếu ly hôn anh nhận nuôi cháu Quân đến tuổi thành niên và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D: Theo đó cho chị D ly hôn với anh S;

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh S đều không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Hiện nay anh, chị có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại phường An S, thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

[2]. Về nội D vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An S, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 24-11-2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S thì thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Đã nhiều lần vợ chồng không hòa thuận nhưng sau đó hàn gắn được, thế nhưng sau đó cuộc sống không thay đổi, vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng anh chị không chung sống cùng nhau, phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị, địa phương đã nhận được báo cáo và giải quyết nhiều lần nhưng anh S không thay đổi, nhiều lần chị D hàn gắn nhưng luôn xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, anh S không muốn ly hôn nhưng cũng đã không có kế hoạch cho cuộc sống, không thuyết phục được chị D, điều đó thể hiện anh không tha thiết việc hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể hiện hết tình yêu thương của anh với vợ con. Tại phiên tòa, chị D và anh S đều thừa nhận vợ chồng ly thân, không sống chung cách nay đã hơn hai tháng.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh S.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng nhận nuôi cháu Quân đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng nhận nuôi cháu Quân, không yêu cầu chị yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Quân đang được vợ chồng thay nhau nuôi dưỡng. Chị D hiện có việc làm, thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng. Anh S xin nhận nuôi con nhưng không chứng minh thu nhập, không có mặt đầy đủ trong các buổi hòa giải tại Tòa án. Hơn nữa, vào các năm 2016, 2019 anh S bị Tòa án kết án 06 (sáu) tháng tù

và 18 (mười tám) tháng tù về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản. Hơn nữa, anh S thừa nhận trước đây anh có sử dụng chất ma túy, đến nay anh không sử dụng nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, để cho cháu Q có điều kiện phát triển tốt nhất, hiện nay cháu còn nhỏ cần bàn tay chăm sóc của người mẹ nên quyết định chấp nhận yêu cầu của chị D về nuôi con chung, giao cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Chị D, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung cháu Lê Ngọc Minh Q, sinh ngày 09-7-2017 cho chị Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Lê Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000803 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Chị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-12-2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. An S;
- VKSND TP. Tam Kỳ;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Văn Khôi

